

Số/No: 25/TN5/1699-01

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm S401
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025  
15 GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Hùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-01

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,68              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,431             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-02

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm Tonkin.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Dựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-02

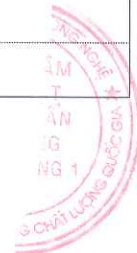
Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,93              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,431             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-03

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm S3.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-03

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,60              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,430             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-04

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm S101
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Dựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

15 GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-04

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,68              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,423             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-05

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm S201
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Dựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/07/2025 đến ngày: 18/07/2025.
- Ngày hoàn thành: 18/07/2025.

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-05

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,65              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,428             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-06

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm SA1
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Dựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

15 GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-06

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,64              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,218             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-07

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm GS1.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Dựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-07

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,62              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,428             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-08

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước bể ngầm tòa W3.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-08

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,64              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,207             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-09

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước bể mái tòa W2.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

15 GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-09

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,63              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,202             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-10

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào xã Tây Phương.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-10

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,61              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,437             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-11

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào xã Quốc Oai.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-11

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,61              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,441             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-01

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm S401
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Dựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-01

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,68              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,431             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-02

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm Tonkin.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-02

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo QCVN 01-1: 2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                     | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ               | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                      | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                     | 7,93              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                     | 0,431             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                      | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                      | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                           | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                           | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-03

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm S3.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Dựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-03

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,60              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,430             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-04

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm S101
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025  
15 GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....

Trang/Page:.....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,68              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,423             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

25/TN5/1699-05

Số/No:.....

Trang/Page:.....1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước đầu vào bể ngầm S201**
- Khách hàng: **Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.**
- Lượng mẫu: **1,5L.**
- Ngày nhận mẫu: **05/08/2025.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 05/07/2025 đến ngày: 18/07/2025.**
- Ngày hoàn thành: **18/07/2025.**

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

**Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2025  
**17 GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Đặng Thanh Tùng**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,65              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,428             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước đầu vào bể ngầm SA1**
- Khách hàng: **Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đức.**
- Lượng mẫu: **1,5L.**
- Ngày nhận mẫu: **05/08/2025.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.**
- Ngày hoàn thành: **20/08/2025.**

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

**Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đặng Thanh Tùng**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,64              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,218             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-07

Trang/Page: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước đầu vào bể ngầm GS1.
- Khách hàng: Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.
- Lượng mẫu: 1,5L.
- Ngày nhận mẫu: 05/08/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong chai nhựa.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.
- Ngày hoàn thành: 20/08/2025.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-07

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,62              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,428             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1699-10.....

Trang/Page:.....1/2.....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước đầu vào xã Tây Phương.**
- Khách hàng: **Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.**
- Lượng mẫu: **1,5L.**
- Ngày nhận mẫu: **05/08/2025.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.**
- Ngày hoàn thành: **20/08/2025.**

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

**Đặng Việt Lâm**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**Đặng Thanh Tùng**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-10

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,61              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,437             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1699-11.....

Trang/Page:.....1/2.....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước đầu vào xã Quốc Oai.**
- Khách hàng: **Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.**
- Lượng mẫu: **1,5L.**
- Ngày nhận mẫu: **05/08/2025.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.**
- Ngày hoàn thành: **20/08/2025.**

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

**Đặng Việt Lâm**

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đặng Thanh Tùng**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/1699-11

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,61              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,441             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1699-09.....

Trang/Page:.....1/2.....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước bể mái tòa W2.**
- Khách hàng: **Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.**
- Lượng mẫu: **1,5L.**
- Ngày nhận mẫu: **05/08/2025.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.**
- Ngày hoàn thành: **20/08/2025.**

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

IN GIÁM ĐỐC

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT****Đặng Việt Lâm****PHÓ GIÁM ĐỐC****Đặng Thanh Tùng**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1699-09.....

Trang/Page:.....2/2.....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,63              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,202             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/1699-08.....

Trang/Page:.....1/2.....

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước bể ngầm tòa W3.**
- Khách hàng: **Công ty TNHH Đồng Tiến Thành Thủ Đô.**
- Lượng mẫu: **1,5L.**
- Ngày nhận mẫu: **05/08/2025.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong chai nhựa.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 05/08/2025 đến ngày: 20/08/2025.**
- Ngày hoàn thành: **20/08/2025.**

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

**Đặng Việt Lâm**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đặng Thanh Tùng**

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
*This test result is valid only for samples taken by customer.*
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.  
*This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.*
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
*Name of sample and customer are written as customer's request.*

Số/No: 25/TN5/1699-08

Trang/Page: 2/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### TEST RESULT

| STT | Tên chỉ tiêu                                                        | Đơn vị    | Phương pháp thử                   | Tham khảo<br>QCVN 01-1:<br>2024/BYT | Kết quả           |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1   | Màu sắc                                                             | Pt-Co     | SMEWW 2120 C:2023                 | $\leq 15$                           | KPH (GHPH = 2,0)  |
| 2   | Mùi                                                                 | -         | TN5/HD.PT/53                      | Không có mùi lạ                     | Không có mùi lạ   |
| 3   | Độ đục                                                              | NTU       | US EPA Method 180.1:1993          | $\leq 2$                            | KPH (GHPH = 0,5)  |
| 4   | pH                                                                  | -         | TCVN 6492:2011                    | 6,0 – 8,5                           | 7,64              |
| 5   | Clo dư tự do                                                        | mg/L      | SMEWW 4500-Cl G: 2023             | 0,2 - 1,0                           | 0,207             |
| 6   | Chỉ số pecmanganat                                                  | mg/L      | TCVN 6186: 1996                   | $\leq 2$                            | < 1,50            |
| 7   | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | mg/L      | SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> F:2023 | $\leq 1$                            | KPH (GHPH = 0,05) |
| 8   | Coliforms                                                           | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |
| 9   | E. Coli                                                             | CFU/100mL | ISO 9308-1:2014/Amd 1:2016        | < 1                                 | 0                 |

**Ghi chú:** QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;  
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.  
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.  
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
Name of sample and customer are written as customer's request.